

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BẮC TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **117/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 12/4/2022

V/v ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Loan;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Minh Tuấn ; Bà Nguyễn Thị Thắng ;

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Linh – Thư ký TAND quận Bắc Từ Liêm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên tòa: Bà Phong Thị Lan.

Trong ngày 12 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý 35/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/3/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2022/QĐST-HPT ngày 25 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hồng N, sinh năm 1994; Địa chỉ: phường M, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1980; Địa chỉ: phường M, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 20/01/2022 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Hồng N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đình T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang ngày 13/3/2012. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ của chị N tại phường M, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Anh chị sống chung được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do anh T chơi cờ bạc, không quan tâm, chăm sóc đến vợ con, không có trách nhiệm với gia đình. Khoảng nửa cuối năm 2016, anh T đã bỏ nhà đi mà không ai có tin tức gì. Sau này, chị mới biết anh T bị Công an quận Thanh Xuân ra quyết định truy nã về hành vi đánh bạc. Kể từ đó anh T không về nhà thăm nom hay hỏi han gì đến chị và gia đình, thậm chí là qua điện thoại nên không ai biết anh T ở đâu. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không

còn, không thể tiếp tục duy trì hôn nhân và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đình T.

Chị và anh T có hai con chung là Nguyễn Đình Đ, sinh ngày 06/8/2010 và Nguyễn Hồng Ngọc D, sinh ngày 29/7/2016. Từ khi anh T bỏ đi, chị là người chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Sau khi ly hôn, chị N có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Chị và anh T không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, anh Nguyễn Đình T đã bỏ đi khỏi nơi sinh sống, vắng mặt nơi cư trú (phường M, quận Bắc Từ Liêm) từ khoảng tháng 10/2016 đến nay. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội cung cấp: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã khởi tố bị can đối với anh T theo Quyết định khởi tố bị can số 269 ngày 11/10/2016 về hành vi đánh bạc xảy ra ngày 26/7/2016 tại phường K, quận Thanh Xuân. Sau khi bị khởi tố, anh T đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú nên ngày 02/12/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Xuân đã ra Quyết định truy nã số 01 và tổ chức truy bắt nhưng đến nay chưa bắt được và không xác định được anh T đang ở đâu.

Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án tại nơi cư trú cuối cùng của anh T để triệu tập anh T đến Tòa án làm việc, tham gia phiên họp, hòa giải và phiên tòa nhiều lần nhưng anh T không đến Tòa án làm việc.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, chị Nguyễn Hồng N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Đình T và trình bày như trên.

- Bị đơn, anh Nguyễn Đình T vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Các quy định về phiên tòa, thủ tục bắt đầu phiên tòa, tranh tụng đều được Hội đồng xét xử thực hiện theo đúng quy định tại Chương 14 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72, 234 của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Xử cho chị N được ly hôn với anh T; Giao chị N nuôi con chung của anh chị là Nguyễn Đình Đ, sinh ngày 06/8/2010 và Nguyễn Hồng Ngọc D, sinh ngày 29/7/2016; Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con; Không giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Anh Nguyễn Đình T là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú cuối cùng tại phường M, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm theo quy định tại Điều 28, khoản 1 điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc xét xử vắng mặt anh Nguyễn Đình T: Tòa án đã niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa tại nơi cư trú cuối cùng của anh T nhưng anh T đều vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Hồng N và anh Nguyễn Đình T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có tổ chức hôn lễ truyền thống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang năm 2012. Hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Hôn nhân của anh chị không hạnh phúc do anh T không có sự quan tâm, không có trách nhiệm với vợ con, gia đình. Từ cuối năm 2016, anh T có hành vi đánh bạc và bỏ đi khỏi nơi cư trú đến nay gia đình không có tin tức gì. Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận Thanh Xuân đã ra quyết định truy nã đối với anh T ngày 02/12/2016 và tổ chức truy bắt nhưng cũng chưa bắt được và cũng không biết anh T ở đâu.

Xét chị N, anh T là vợ chồng nhưng không cùng nhau hướng tới xây dựng cuộc sống chung, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T đã có hành vi vi phạm pháp luật hình sự, đã bị khởi tố bị can, lại bỏ trốn khỏi nơi cư trú đã lâu. Việc chị N xin ly hôn với anh T là có căn cứ. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N với anh T.

2.2. Về con chung:

Chị N, anh T có hai con chung là Nguyễn Đình Đ, sinh ngày 06/8/2010 và Nguyễn Hồng Ngọc D, sinh ngày 29/7/2016. Cháu Đ và cháu D hiện đang ở cùng chị N và ông bà ngoại. Chị N có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai cháu Đ và D sau khi ly hôn. Xét chị N nuôi dưỡng hai cháu kể từ khi anh T bỏ đi đến nay, anh T không có trách nhiệm gì và hiện không rõ anh T ở đâu nên căn cứ Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao chị N nuôi dưỡng hai cháu Đ và D sau khi ly hôn.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con:

Chị N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho đến khi có sự thay đổi khác

2.4. Về tài sản chung, nợ chung:

Anh chị không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.5. Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Nguyễn Hồng N đối với anh Nguyễn Đình T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Hồng N được ly hôn với anh Nguyễn Đình T.

3. Về con chung : Chị N, anh T có hai con chung là Nguyễn Đình Đ, sinh ngày 06/8/2010 và Nguyễn Hồng Ngọc D, sinh ngày 29/7/2016. Giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung.

Anh T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

4. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho đến khi có sự thay đổi khác.

5. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

6. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị N đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai số 0042954 ngày 25/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm nay chuyển thành án phí. Chị N đã nộp đủ án phí.

7. Chị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND, VKSND TP Hà Nội;
- VKSND quận Bắc Từ Liêm,;
- Chi cục THADS quận Bắc Từ Liêm;
- UBND xã Đào Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (Số 20/2012);

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Loan